

Số: /KH-SKHCN

Hà Giang, ngày tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng từ hạng III lên hạng II; hạng IV lên hạng III và từ hạng V lên hạng IV của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung số 59/2019/QH14 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ [Nghị định số 115/2020/NĐ-CP](#) ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ [Thông tư số 06/2020/TT-BNV](#) ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ [Thông tư số 92/2021/TT-BTC](#) ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ [Thông tư số 02/2021/TT-BNV](#) ngày 11 tháng 6 năm 2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư; Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV;

Căn cứ [Thông tư 03/2021/TT-BTTTT](#) ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn, điều kiện, nội dung, hình thức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thông tin và truyền thông;

Căn cứ [Thông tư 08/2022/TT-BTTTT](#) ngày 30 tháng 6 năm 2022, Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành Công nghệ thông tin, an toàn thông tin;

Căn cứ [Thông tư số 66/2024/TT-BTC](#) ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Bộ Tài Chính quy định chức danh mã số, tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành kế toán và xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ kế toán viên lên kế toán viên chính trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 05/2024/TT-BNV ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Nội vụ Quy định tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng lên hạng II và lên hạng I đối với viên chức hành chính, viên chức văn thư, viên chức lưu trữ; xếp lương đối với người được tuyển dụng, tiếp nhận vào viên chức;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2024 của UBND tỉnh về phân cấp một số nội dung về quản lý công chức, viên chức, tổ chức bộ máy trên địa bàn tỉnh Hà Giang;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh về việc đề nghị phê duyệt chỉ tiêu và ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng IV lên hạng III và từ hạng V lên hạng IV đối với đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các sở, ngành và UBND các huyện, thành phố; bổ sung chỉ tiêu xét thăng hạng giáo viên từ hạng III lên hạng II đối với UBND thành phố Hà Giang.

Căn cứ Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chỉ tiêu và ủy quyền tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng từ hạng III lên hạng II và từ hạng IV lên hạng III đối với một số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh; các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh và UBND các huyện.

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-SKHCN ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức sự nghiệp Trung tâm Khoa Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-SKHCN ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức sự nghiệp Trung tâm Chuyển đổi số thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ đề án xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng từ hạng III lên hạng II; hạng IV lên hạng III và từ hạng V lên hạng IV của Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025.

Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Kế hoạch tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Khoa học và Công nghệ từ hạng III lên hạng II; hạng IV lên hạng III và từ hạng V lên hạng VI năm 2025, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Bảo đảm kịp thời chế độ chính sách cho đội ngũ viên chức; bố trí viên chức đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm nhiệm vị trí việc làm (VTVL) và hạng chức danh nghề nghiệp (CDNN) phù hợp với cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức của đơn vị.

- Lựa chọn được những viên chức đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn của CDNN theo quy định, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ viên chức, cơ cấu lại đội ngũ viên chức theo yêu cầu của VTVL.

- Động viên, khuyến khích viên chức trong đơn vị học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức xét thăng hạng CDNN đối với viên chức phải đúng đối tượng; đúng tiêu chuẩn CDNN và phù hợp với VTVL, cơ cấu hạng CDNN của đơn vị;

- Kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức được tổ chức đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công khai, minh bạch, khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Viên chức tham dự kỳ xét thăng hạng CDNN phải đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn CDNN dự xét theo quy định và được cơ quan, đơn vị có văn bản đề nghị cử dự xét thăng hạng.

II. CHỈ TIÊU XÉT THĂNG HẠNG

Chỉ tiêu xét thăng hạng CDNN: **04** chỉ tiêu.

- Viên chức hành chính hạng III lên hạng II: 01 chỉ tiêu;

- Công nghệ thông tin hạng IV lên hạng III: 01 chỉ tiêu;

- Kế toán viên Trung cấp hạng IV lên hạng III: 01 chỉ tiêu;

- Viên chức Nhân viên lên Cán sự: 01 chỉ tiêu.

III. ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN DỰ XÉT

1. Đối tượng

- Viên chức hành chính giữ CDNN lãnh đạo quản lý (mã số 01.003) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng II (mã số 01.002)

- Viên chức đang giữ CDNN Công nghệ thông tin lãnh đạo quản lý (mã số V11.06.15) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng III (mã số V11.06.14).

- Viên chức đang giữ CDNN Kế toán viên Trung cấp hạng IV (mã số V.06.032) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng CDNN Kế toán viên hạng III (mã số V.06.031).

- Viên chức hành chính đang giữ CDNN Nhân viên (mã số 01.005) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng CDNN Cán sự (mã số 01.004).

2. Điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng

2.1. Tiêu chuẩn và điều kiện chung

Theo quy định tại Điều 32 [Nghị định số 115/2020/NĐ-CP](#) và Khoản 16 Điều 1 [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#), cụ thể như sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp.

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng. Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 115/2020/NĐ-CP) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện cụ thể

2.2.1. Vị trí viên chức hành chính (lãnh đạo quản lý)

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức hành chính từ hạng III (mã số 01.003) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng lên hạng II (mã số 01.002) được quy định cụ thể tại Điều 6 [Thông tư 02/2021/TT-BNV](#) ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ.

2.2.1.1. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác và các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

b) Có khả năng tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đề án, dự án, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác.

c) Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành, lĩnh vực công tác trong nước và thế giới; có khả năng tổ chức nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý.

d) Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được giao nghiên cứu, tham mưu.

đ) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng được ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam hoặc sử dụng

được tiếng dân tộc thiểu số đối với công chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.1.2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên chính hoặc có bằng cao cấp lý luận chính trị - hành chính.

2.2.1.3. Yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng II viên chức chính:

a) Có thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương từ đủ 09 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch chuyên viên thì thời gian giữ ngạch chuyên viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

b) Trong thời gian giữ ngạch chuyên viên và tương đương đã tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu.

2.2.2. Vị trí Công nghệ thông tin (lãnh đạo quản lý)

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức đang giữ CDNN nghề nghiệp Công nghệ thông tin hạng IV (mã số V11.06.15) có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng III (mã số V11.06.14) được quy định cụ thể tại Điều 11 [Thông tư 08/2022/TT-BTTTT](#) ngày 30/6/2022.

2.2.2.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành gần đào tạo về công nghệ thông tin;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin.

2.2.2.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật và định hướng phát triển, chiến lược, chính sách, quy định của ngành công nghệ thông tin, an toàn thông tin.

b) Nắm được tình hình và xu thế phát triển của ngành công nghệ thông tin trong nước và thế giới; có khả năng cập nhật, ứng dụng công nghệ, nền tảng và tiêu chuẩn mới trong hoạt động nghề nghiệp.

c) Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm, có kỹ năng soạn thảo văn bản nghiệp vụ được giao tham mưu, đề xuất.

d) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, an toàn thông tin và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

đ) Sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số (đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số) theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.2.3. Yêu cầu đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lãnh đạo quản lý lên hạng III Công nghệ thông tin:

Có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV hoặc tương đương tối thiểu là 02 năm (đủ 24 tháng, không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ cao đẳng, 03 năm (đủ 36 tháng) (không kể thời gian tập sự, thử việc) đối với trường hợp khi tuyển dụng có trình độ trung cấp. Trường hợp có thời gian tương đương thì phải có ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ chức danh nghề nghiệp công nghệ thông tin hạng IV tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng.

2.2.3. Vị trí kế toán viên

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức chuyên ngành Kế toán viên trung cấp lên kế toán viên theo Điều 5, [Thông tư số 66/2024/TT-BTC](#).

2.2.3.1. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu rõ và tuân thủ [Luật Kế toán](#), các chuẩn mực kế toán, các quy định của pháp luật khác về kế toán, nguyên lý kế toán, các chế độ tài chính, thống kê và thông tin kinh tế có liên quan; có khả năng cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ở lĩnh vực công tác được phân công;

b) Nắm được các quy định cụ thể về hình thức và phương pháp kế toán; các chế độ kế toán áp dụng trong ngành, lĩnh vực kế toán nhà nước;

c) Biết phương pháp nghiên cứu, đề xuất triển khai hoặc bổ sung, sửa đổi quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, tổng kết cải tiến nghiệp vụ quản lý, nắm được xu thế phát triển nghiệp vụ trong nước và quốc tế;

d) Biết tổ chức triển khai các hoạt động về quy chế quản lý, quy trình nghiệp vụ, quy trình luân chuyển chứng từ, phương pháp quản lý và điều hành đối với nhiệm vụ kế toán trong đơn vị;

đ) Có khả năng tiếp thu, nắm bắt và kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ, phương tiện kỹ thuật hiện đại để trao đổi và sử dụng các tài liệu kế toán, thông tin kế toán, phần mềm kế toán, chứng từ điện tử và giao dịch điện tử;

e) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số theo yêu cầu của vị trí việc làm.

2.2.3.2. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp

Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật.

2.2.3.3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kế toán hoặc có chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của [Luật kiểm toán độc lập](#) hoặc chứng

chỉ kế toán viên theo quy định của [Luật kế toán](#) hoặc chứng chỉ chuyên gia kế toán hoặc chứng chỉ kế toán do tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức nghề nghiệp nước ngoài được Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận.

2.2.3.4. Yêu cầu đối với viên chức xét lên Kế toán viên:

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên Trung cấp và có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp kế toán viên trung cấp hoặc tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc) trong đó có tối thiểu đủ 01 năm (12 tháng) liên tục giữ chức danh nghề nghiệp Kế toán viên Trung cấp tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thì được xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định tại khoản 16 Điều 1 [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

2.2.4. Vị trí cán sự

Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đăng ký dự xét thăng hạng viên chức đang giữ CDNN Nhân viên lên cán sự được quy định tại Điều 8 [Thông tư 02/2021/TT-BNV](#) ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ.

2.2.4.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác.

2.2.4.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được các nguyên tắc, chế độ, thể lệ, thủ tục và nội dung hướng dẫn nghiệp vụ, mục tiêu quản lý của ngành, lĩnh vực;

b) Nắm vững trình tự, thủ tục nghiệp vụ hành chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

c) Sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

2.2.4.3. Yêu cầu đối với viên chức xét lên ngạch cán sự:

Có thời gian giữ ngạch nhân viên và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch nhân viên thì thời gian giữ ngạch nhân viên tối thiểu 01 năm (đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi nâng ngạch.

IV. TIẾP NHẬN HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng

Viên chức đăng ký dự xét thăng hạng có trách nhiệm chuẩn bị 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 36 [Nghị định số 115/2020/NĐ-CP](#) gồm:

- Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*theo mẫu kèm theo*);
- Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức (*Mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BNV ngày 01/6/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ kèm theo*).

- Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định về trình độ đào tạo; tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ; phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; đánh giá xếp loại chất lượng năm gần nhất với năm đăng ký xét thăng hạng (*Bản nhận xét, đánh giá kèm theo*).

- Văn bản của cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức về đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức năm liền kề với năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (Phiếu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức năm 2024 bản photo công chứng, Quyết định hoặc Thông báo kết quả xếp loại chất lượng viên chức năm 2024 của cơ quan, đơn vị);

- Được cấp có thẩm quyền cử dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Bản sao công chứng các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng. Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi so với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ. Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ quy định tại khoản 3 Điều 9 [Nghị định 115/2020/NĐ-CP](#) (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#)) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

- Bản sao các Quyết định liên quan của cá nhân, gồm: Quyết định tuyển dụng viên chức, quyết định hết tập sự và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp lần đầu, các quyết định chức danh nghề nghiệp khác (nếu có thay đổi chức danh nghề nghiệp trong quá trình công tác); Quyết định tiếp nhận, điều động và quyết định nâng lương trong toàn bộ quá trình công tác;

- Các minh chứng khác theo tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh nghề nghiệp dự xét do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực ban hành.

Hồ sơ đăng ký dự xét của mỗi viên chức được bỏ vào 01 bì đựng riêng có kích thước 250 x 340 x 5 mm, ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh, đơn vị công tác và thành phần hồ sơ bên trong.

2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ

Tại Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ.

Địa chỉ: Trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ (Số 222, đường Nguyễn Trãi, tổ 13, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang)

Số điện thoại: 0987.686.918.

V. NỘI DUNG, HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG

1. Hình thức: Xét thẩm định hồ sơ.

2. Nội dung:

Thẩm định việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 16, Điều 1, [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 115/2020/NĐ-CP](#) của Chính phủ.

3. Xác định người trúng tuyển

Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 16, Điều 1, [Nghị định số 85/2023/NĐ-CP](#) ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 115/2020/NĐ-CP](#), được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

- Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;
- Viên chức là nữ;
- Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);
- Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

4. Thời gian, các bước tiến hành

Bước 1. Từ ngày 16/05/2025

- Niêm yết công khai Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ hạng III lên hạng III; từ hạng IV lên hạng III và hạng V lên hạng IV tại Trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ (Số 222, đường Nguyễn Trãi, tổ 13, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang); Trụ sở làm việc của các đơn vị sự nghiệp công lập; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (địa chỉ: <https://skhcn.hagiang.gov.vn/>).

- Ban hành Quyết định Thành lập Hội đồng tổ chức xét thăng hạng CDNN.
- Thông báo bằng văn bản đến các đơn vị sự nghiệp để thông báo tiếp nhận hồ sơ dự xét thăng hạng viên chức.
- Thành lập Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng CDNN.

Bước 2. Từ ngày 19/05/2025

- Thông báo Kế hoạch, thời gian, nội quy, hình thức, nội dung và địa điểm xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.
- Thành lập Ban thẩm định hồ sơ xét thăng hạng.

Bước 3. Từ ngày 21/05/2025 đến 25/05/2025

Tiếp nhận hồ sơ của viên chức chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đến Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ (Số 222, đường Nguyễn Trãi, tổ 13, phường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).

Bước 4. Từ ngày 26/05/2025 đến ngày 27/05/2025

- Tổng hợp danh sách viên chức dự xét thăng hạng CDNN
- Quyết định phê duyệt danh sách viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng.
- Hội đồng tổ chức thẩm định hồ sơ; xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng.

Bước 5. Ngày 28/05/2025

Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

Bước 6. Ngày 29/5/2025

Hội đồng xét thăng hạng thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển tới cơ quan, đơn vị có viên chức dự xét thăng hạng; đồng thời thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ (địa chỉ: <https://skhcn.hagiang.gov.vn/>).

Bước 7. Ngày 30/05/2025 đến ngày 31/05/2025

Tham mưu ban hành Quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp, xếp lương từ hạng III lên hạng II; từ hạng III lên hạng IV và từ hạng V lên hạng IV đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

Bước 8. Từ ngày 01/06/2025 đến ngày 06/06/2025

Báo cáo kết quả thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) sau khi hoàn thành việc tổ chức xét thăng hạng.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở

- Tổ chức công khai Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định hiện hành.
- Tham mưu cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng xét thăng hạng; Ban Giám sát.
- Là bộ phận tham mưu thường trực của Hội đồng, tham mưu cho Hội đồng thực hiện theo Kế hoạch.
- Phối hợp với các phòng, đơn vị có liên quan cử công chức, viên chức để thực hiện nhiệm vụ và chuẩn bị cơ sở vật chất, các điều kiện cần thiết để tổ chức xét thăng hạng viên chức đảm bảo theo quy định.
- Chuẩn bị cơ sở vật chất, bố trí phòng họp, in ấn tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có) theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.
- Phối hợp, hướng dẫn, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí theo đúng quy định (nếu có).
- Thực hiện các nội dung liên quan khác theo sự phân công của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Hội đồng xét thăng hạng.
- Cử công chức tham gia Ban Giám sát; phối hợp với các phòng, đơn vị cử công chức, viên chức bảo đảm an ninh trật tự cho kỳ xét thăng hạng.

- Phối hợp với các phòng, đơn vị giải quyết và tham mưu giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác xét thăng hạng theo thẩm quyền.

2. Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở

- Triển khai Kế hoạch này đến toàn thể đội ngũ viên chức thuộc thẩm quyền quản lý để viên chức biết đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; niêm yết công khai Kế hoạch này tại trụ sở làm việc (nơi thuận tiện) và đăng tải trên website của các đơn vị có nhu cầu xét thăng hạng để viên chức được biết.

- Rà soát vị trí việc làm, tổ chức sơ tuyển và cử viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và trước Pháp luật về điều kiện, tiêu chuẩn của viên chức được cử tham dự xét thăng hạng. Việc cử viên chức dự xét thăng hạng thực hiện theo quy định tại Điều 35 [Nghị định số 115/2020/NĐ-CP](#).

Trên đây là Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ hạng III lên hạng II; từ IV lên hạng III và từ hạng V lên hạng IV đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Khoa học và Công nghệ năm 2025. Yêu cầu các bộ phận có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện/.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị;
- Lưu: VT, VP.

GIÁM ĐỐC

Phan Đăng Đông

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN ĐĂNG KÝ
DỰ XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Từ hạnglên hạng

Kính gửi: Hội đồng xét thăng hạng viên chức năm 2025

Tên tôi là (chữ in hoa):Nam (nữ):.....

Ngày tháng năm sinh:

Số điện thoại:.....

Nơi ở hiện nay:

Đơn vị công tác:

Chức vụ:

Trình độ chuyên môn đào tạo:.....

Chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:.....mã số:.....

Thời gian bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức hiện nay:

Hệ số lương hiện hưởng:.....ngày tháng năm xếp:/...../.....

Sau khi nghiên cứu điều kiện, tiêu chuẩn dự xét thăng hạng tại Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 1696-QĐ/BTCTW ngày 29/5/2017 của Ban Tổ chức Trung ương và Kế hoạch số 128-KH/HVCTQG ngày 05/5/2020 của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tôi nhận thấy bản thân có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.....theo quy định.

Tôi làm đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét cho tôi được tham dự xét thăng hạng từ lên

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2025

Người làm đơn
(ký và ghi rõ họ tên)

Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....

SƠ YẾU LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

Ảnh màu
(4 x 6 cm)

- 1) Họ và tên khai sinh (viết chữ in hoa):.....
- 2) Tên gọi khác:
- 3) Sinh ngày:.....tháng.....năm..... Giới tính (nam, nữ):.....
- 4) Nơi sinh: Xã/Phường..... Huyện/Quận..... Tỉnh/Thành phố.....
- 5) Quê quán: Xã/Phường..... Huyện/Quận..... Tỉnh/Thành phố.....
- 6) Dân tộc:..... 7) Tôn giáo:.....
- 8) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 9) Nơi ở hiện nay:.....
(Số nhà, đường phố, thành phố: xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh)
- 10) Nghề nghiệp khi được tuyển dụng:.....
- 11) Ngày tuyển dụng:/...../..... Cơ quan, đơn vị tuyển dụng:.....
- 12.1- Chức danh (chức vụ) công tác hiện tại:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 12.2- Chức danh (chức vụ) kiêm nhiệm:.....
(Về chính quyền hoặc Đảng, đoàn thể)
- 13) Công việc chính được giao:.....
- 14) Chức danh nghề nghiệp viên chức:..... Mã số:.....
Bậc lương:.....Hệ số:..... Ngày hưởng:/...../..... Phụ cấp chức danh:..... Phụ cấp khác:.....
- 15.1-Trình độ giáo dục phổ thông (đã tốt nghiệp lớp mấy/thuộc hệ nào):.....
- 15.2-Trình độ chuyên môn cao nhất:.....
(TSKH, TS, Th.s, cử nhân, kỹ sư, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chuyên ngành)
- 15.3-Lý luận chính trị:..... 15.4-Quản lý nhà nước:
- (Cử nhân, cao cấp, trung cấp, sơ cấp) (Chuyên viên cao cấp, chuyên viên chính, chuyên viên, cán sự.)
- 15.5-Trình độ nghiệp vụ theo chuyên ngành:.....
- 15.6-Ngoại ngữ:..... 15.7-Tin học:
- (Tên ngoại ngữ + Trình độ: TS, Ths, ĐH, Bậc 1 đến bậc 6) (Trình độ: TS, Ths, ĐH, Kỹ năng 01 đến Kỹ năng 15)

- 16) Ngày vào Đảng Cộng sản Việt Nam:/...../..... Ngày chính thức:...../...../...
- 17) Ngày tham gia tổ chức chính trị - xã hội:.....
(Ngày tham gia tổ chức: Đoàn, Hội, và làm việc gì trong tổ chức đó)
- 18) Ngày nhập ngũ:...../...../..... Ngày xuất ngũ:...../...../..... Quân hàm cao nhất:.....
- 19.1- Danh hiệu được phong tặng cao nhất:.....
(Anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang: nhà giáo, thầy thuốc, nghệ sĩ nhân dân ưu tú, ...)
- 19.2- Học hàm được phong (Giáo sư, Phó giáo sư):..... Năm được phong:.....
- 20) Sở trường công tác:.....
- 21) Khen thưởng:.....22) Kỷ luật :
(Hình thức cao nhất, năm nào?) (về đảng, chính quyền, đoàn thể hình thức cao nhất, năm nào?)
- 23) Tình trạng sức khỏe:..... Chiều cao:..... , Cân nặng:.....kg, Nhóm máu:.....
- 24) Là thương binh hạng:...../....., Là con gia đình chính sách:.....
(Con thương binh, con liệt sĩ, người nhiễm chất độc da cam, Dioxin)
- 25) Số chứng minh nhân dân/Căn cước công dân:..... Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....
- 26) Số BHXH:

27) ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VỀ CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ, NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ

Ghi chú:

- Hình thức đào tạo: Chính quy, tại chức, chuyên tu, từ xa, liên thông, bồi dưỡng.
- Văn bằng, chứng chỉ: TSKH, TS, chuyên khoa II, Ths, chuyên khoa I, đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp, chứng chỉ,...

28) TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (<i>đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội</i>) kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...

29) ĐẶC ĐIỂM LỊCH SỬ BẢN THÂN

- Khai rõ: bị bắt, bị tù (*từ ngày tháng năm nào đến ngày tháng năm nào, ở đâu?*), đã khai báo cho ai, những vấn đề gì? Bản thân có làm việc trong chế độ cũ (*cơ quan, đơn vị nào, địa điểm, chức danh, chức vụ, thời gian làm việc...*):

.....

.....

- Tham gia hoặc có quan hệ với các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội nào ở nước ngoài (*làm gì, tổ chức nào, đặt trụ sở ở đâu ...?*):

.....

.....

- Có thân nhân (Cha, Mẹ, Vợ, Chồng, con, anh chị em ruột) ở nước ngoài (làm gì, địa chỉ ...)?

.....

.....

30) QUAN HỆ GIA ĐÌNH

a) Về bản thân: Cha, Mẹ, Vợ (hoặc chồng), các con, anh chị em ruột

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị - xã hội ...?)

32) NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CỦA ĐƠN VỊ SỬ DỤNG VIÊN CHỨC

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người khai

Tôi xin cam đoan những lời
khai trên đây là đúng sự thật
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

....., Ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị sử dụng viên chức
(Ký tên, đóng dấu)

BẢN NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp sử dụng viên chức theo các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng CDNNVC

(Dùng cho xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức khoa học và công nghệ năm 2025)

I. SƠ LƯỢC VỀ LÝ LỊCH VIÊN CHỨC

1. Họ và tên:
2. Ngày tháng năm sinh:
3. Trình độ chuyên môn:
- Văn bằng, chứng chỉ, đề án, đề tài
4. Chức vụ, đơn vị công tác hiện nay:

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VIÊN CHỨC THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ XÉT THĂNG HẠNG

1. Về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ

.....

.....

2. Về năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong năm 2024:

.....

.....

3. Về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận vị trí việc làm tương ứng với chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng:

.....

.....

4. Nhận xét về các văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác về tiêu chuẩn trình độ đào tạo, chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng:

.....

.....

III. KẾT LUẬN CHUNG

Kết luận về điều kiện, tiêu chuẩn cử viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành y tế từ hạng lên hạng

Hà Giang, ngày tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)